TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/2024/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 22 tháng 8 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa:

1/ Nguyên đơn: Bà **Mai Thị B** - Sinh năm: 1977; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Ấp X, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên lạc: Số D V, Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C** - Sinh năm: 1975; địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị B với ông Nguyễn Văn C.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị B và ông Nguyễn Văn C thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.2) Về con chung: Hai người con chung giữa bà B với ông C là: Nguyễn Văn Vũ H - Sinh ngày 15/8/1997 và Nguyễn Thị Kim H1 - Sinh ngày 31/01/1999 đều đã thành niên, có khả năng lao động, bà B, ông C không có yêu cầu gì liên quan đến các con nên không xem xét, giải quyết.

2.3) Về tài sản: Bà Mai Thị B, ông Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4) Về nợ chung: Bà Mai Thị B, ông Nguyễn Văn C trình bày là không có nên không xem xét, giải quyết.

2.5) Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị B tự nguyện nhận chịu 150.000VNĐ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà B đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002904 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; hoàn trả lại cho bà B số tiền chênh lệch là 150.000VNĐ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách;
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên